

## *Chapter 5: Schooling and Occupations*

**A. Objectives** (in English, please list a few bullet point items of what skills will be learned in the given chapter's lessons)

At the end of this lesson you will know

- \* the names of some fields of study and school subjects and courses
- \* how to talk about your major and your career choices
- \* how to ask people about these issues

### **B. Scenarios**

1.

- Kim: Xin giới thiệu với Lân, đây là Thúy, bạn cùng phòng của Kim.  
Lân: Rất vui được gặp Thúy.  
Thúy: Rất vui được biết Lân.  
Lân: Thúy là sinh viên năm thứ mấy?  
Thúy: Thúy là sinh viên năm thứ ba. Lân học năm thứ mấy?  
Lân: Lân cũng đang học năm thứ ba.  
Thúy: Lân học ngành gì?  
Lân: Ngành sinh vật học. Còn Thúy?  
Thúy: Thúy đang theo ngành ngôn ngữ học.

2.

- Quang: Cháu học ở trường đại học nào?  
Sandra: Dạ, cháu đang học ở Đại Học Berkeley.  
Quang: Cháu học ở khoa nào?  
Sandra: Dạ, cháu mới học năm thứ nhất thôi. Cháu chưa chọn ngành học của cháu.  
Quang: Cha mẹ cháu muốn cháu học ngành nào?  
Sandra: Cha mẹ cháu dạy học cho nên muốn cháu chọn ngành giáo dục.  
Quang: Cháu có muốn làm giáo sư không?  
Sandra: Dạ chắc là không. Có lẽ cháu sẽ trở thành một kiến trúc sư.

3.

- Nicole: Khóa này Minh đang học những môn nào?

Minh: Minh lấy bốn lớp mùa này: lớp hóa, lớp toán, lớp tiếng Pháp, và lớp quần vợt.  
Nicole: Minh thích lớp nào nhất?  
Minh: Minh thích lớp tiếng Pháp nhất.  
Nicole: Lớp nào khó nhất?  
Minh: Lớp toán.  
Nicole: Lớp hóa và lớp toán, Minh thích lớp nào hơn?  
Minh: Dĩ nhiên là lớp hóa, vì lớp này dễ được điểm cao hơn.

4.

James: Bích Châu có muốn làm bác sĩ không?  
Bích Châu: Mẹ Bích Châu vẫn thường khuyến khích Bích Châu chọn ngành y, nhưng Bích Châu muốn trở thành một nha sĩ.  
James: Tại sao?  
Bích Châu: Bích Châu muốn giúp cho mọi người có một hàm răng trắng đẹp để luôn luôn có thể cười thật tươi. Còn James thì sao?  
James: Hồi nhỏ James ước mơ sẽ trở thành tổng thống của nước Mỹ, nhưng bây giờ James muốn làm thầy giáo tiểu học hay trung học.  
Bích Châu: Tại sao?  
James: James thích giúp các em thiếu nhi và thiếu niên.

5.

Việt Nữ: Sau khi ra trường, Khoa định làm gì?  
Khoa: Khoa định đi du lịch một vài tháng rồi đi xin việc làm. Còn Việt Nữ?  
Việt Nữ: Năm tới Việt Nữ phải đi nghiên cứu một năm ở Ý cho luận án tiến sĩ của mình.  
Khoa: Việt Nữ muốn làm gì sau khi lãnh bằng tiến sĩ?  
Việt Nữ: Việt Nữ muốn trở thành một giáo sư. Còn Khoa sẽ làm nghề gì?  
Khoa: Khoa muốn làm phóng viên.

## C. Vocabulary

bạn cùng phòng	roommate
sinh viên	university student
ngành, ngành học	major (field of study)
sinh vật học	biology
ngôn ngữ học	linguistics
đại học	university
khoa	university department

chọn	choose
giáo dục	education
giáo sư	professor
chắc, chắc là	perhaps
có lẽ	perhaps
trở thành	become
kiến trúc sư	architect
khóa, mùa	semester, term
môn	subject (of study)
lớp	class, course
hóa, hóa học	chemistry
toán, toán học	math
tiếng Pháp	French (language)
quần vợt	tennis
khó	difficult
đĩ nhiên	of course
dễ	easy
điểm	grade
cao	high
bác sĩ	doctor
khuyến khích	encourage
y, y khoa	medicine (school of medicine)
nha sĩ	dentist
hàm răng	(set of) teeth
tươi	fresh
hồi nhỏ	in one's childhood
ước mơ	dream, wish
tổng thống	president (of a nation)
thầy giáo	(male) teacher
tiểu học	elementary school
trung học	middle school and high school
giúp	help
thiếu nhi	preteens
thiếu niên	teens
ra trường, tốt nghiệp	graduate
định, tính	intend, plan
du lịch	travel
xin việc làm	apply for work
phải	must, have to
ngiên cứu	research
Ý	Italy
luận án	dissertation

lãnh	receive
bằng	degree
ngề	job
phóng viên	reporter

## Supplementary Vocabulary

vật lý	physics
tâm lý học	psychology
xã hội học	sociology
kinh tế	economics
chính trị học	political science
triết học	philosophy
kinh doanh	business
quản trị kinh doanh	business administration
kế toán	accounting
thống kê	statistics
ngành điện toán	computer science
chính sách công cộng	public policy
y tế công cộng	public health
y khoa	medicine
nha khoa	dentistry
duợc khoa	pharmacy
nhãn khoa	ophthalmology
Đông Nam Á Học	Southeast Asian Studies
lịch sử, sử ký	history
nhân chủng học	anthropology
Việt học	Vietnamese Studies
sắc tộc học	ethnic studies
cử nhân	bachelor's degree
cao học, thạc sĩ	master's degree
tiến sĩ	Ph. D.
nhà vật lý	physicist
nhà tâm lý học	psychologist
nhà xã hội học	sociologist
kinh tế gia	economist
chính trị gia	politician
triết gia	philosopher
nhà kinh doanh	businessperson

kế toán viên	accountant
nhà thống kê	statistician
kỹ sư điện toán	computer engineer
bác sĩ	doctor
nha sĩ	dentist
dược sĩ	pharmacist
bác sĩ nhãn khoa	ophthalmologist
sử gia	historian
nhà nhân chủng học	anthropologist

List any other important background vocabulary or Vietnamese cultural knowledge they may need to understand to assist them with the vocabulary:

## D. Dialogue Exchanges (Listening and Speaking Exercises)

Drills. Please include at least 5 different kinds of vocabulary practice drill exercises to give students a chance to immerse themselves in active listening and speaking (these can be shorter drills for use during classroom time).

1. Tôi là (freshman).

Chị Kelly là (sophomore).

Anh Richard là (junior).

Chị Bảo là (senior).

Họ là (doctoral students).

2. Lớp tiếng Việt của tôi có hai mươi sinh viên. Chúng tôi theo học nhiều ngành khác nhau, chẳng hạn như ngành \_\_\_\_\_, ngành \_\_\_\_\_, và ngành \_\_\_\_\_. Lớp có hai sinh viên \_\_\_\_\_, bốn sinh viên \_\_\_\_\_, một sinh viên \_\_\_\_\_, còn đa số là sinh viên năm thứ hai và năm thứ ba.

3. Anh/Chị là sinh viên năm thứ mấy?

Anh/Chị đang học ngành gì?

Anh/Chị dự định làm gì sau khi tốt nghiệp đại học?

Anh/Chị thích những nghề nào? Tại sao?

## E Grammar and Structure

1. mấy:

Danielle là sinh viên năm thứ mấy?  
Hôm nay là thứ mấy?  
Em gái của Bob học lớp mấy?

2. nhất:

Ken chạy nhanh nhất.  
Hạnh học chăm nhất.  
Đây là quyển sách hay nhất.

3. hơn:

Phim này hay hơn phim những phim trước.  
Bức tranh này đẹp hơn những bức tranh kia.  
Tôi đọc chậm hơn các bạn cùng lớp của tôi.

## F. Exercises

1. Write a short essay about your university, your classes, and your classmates.
2. Write a short essay about your future plans.

## G. Life and Culture

Read this article:

<http://www.ericdigests.org/2000-4/student.htm>

### Chapter Author:

A language lecturer at UC Berkeley since 1992, Bac Tran holds an M.A. in English with a concentration in linguistics. He is the author of the textbooks *Conversational Vietnamese* (1996, 1999, 2002, 2005, 2006) and *Anh Ngu Bao Chi* (Newspaper English) (1993), and is a coauthor of *Living with English* (2001). He is a co-translator of the collection of short stories titled *The Stars, The Earth, The River* (1997), as well as several other short stories in the anthologies *The Other Side of Heaven* (1995), *Vietnam: A Traveler's Literary Companion* (1996), *Night, Again* (1996), *Virtual Lotus: Modern Fiction of Southeast Asia* (2002), and *Crossing the River* (2003). He also coauthored the *Vietnamese Dictionary & Phrasebook*, which was published in 2004 and went into its third printing in early 2006.

A U. C. Berkeley representative at the Group of Universities for the Advancement of Vietnamese Abroad (GUAVA) since its inception, Bac Tran was its Co-President for the 2003-06 term. He has also been the Vietnamese Coordinator at the Southeast Asian Studies Summer Institute at the University of Wisconsin-Madison since SEASSI 2000. A coauthor of the *Vietnamese Language Learning Framework*, which was published in the Journal of Southeast Asian Language Teaching (JSEALT & E-JSEALT) of the Council of Teachers of Southeast Asian Languages (COTSEAL), Bac Tran was elected President of COTSEAL in 2005.

Bac Tran cowrote several articles on the language and culture of Vietnam for the East Meets West Foundation Newsletter, including *Pho: Vietnamese Culture through a Bowl of Soup*; *Nha: One Word, Many Meanings*; *Anatomy of a Poem: Deconstructing Ho Xuan Huong, an 18th-Century Vietnamese Poet*; *Celebrating the Magical Time of Tet*; *The Meaning of "Nuoc"*; *"And Its Tail Brings Up the Rear": The Universal Appeal of Nursery Rhymes*; and *Tet Trung Thu* (Mid-Autumn Festival).

He has presented several papers at conferences that include *Vietnamese Orthography: A Tough Nut to Crack* (2005); *Enhancement of Sensitivity to Language through Translation: Something Lost, Something Gained* (2004); *The Pitfalls of Translating Vietnamese Poetry: A Look at a Couple of Vietnamese Poems and Their English Translations* (2003); *Classifiers: Some of Their Functions in Vietnamese* (2000); *Codeswitching by English-Speaking Learners of Vietnamese: A Language Production Model* (1999); *Expressives in Vietnamese* (1999); and *The Interference of English as L1 in the Acquisition of Vietnamese as L2* (1998).

In May 2000 he was recognized for ***Extraordinary Service to the Group in Asian Studies***.